

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2017/HC-PT**

Ngày: 16/02/2017.

V/v: "*Khiếu kiện văn bản có giá trị
như Quyết định hành chính thu hồi
đất*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Nguyên**.
- Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Minh Thành** và bà **Lê Thúy Cầu**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh KonTum.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và 16 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh KonTum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm, thụ lý số 01/2017/TLPT-HC, ngày 03/01/2017 (số cũ 05/2016/TLPT-HC ngày 01/11/2016), về việc *Khiếu kiện văn bản có giá trị như Quyết định hành chính thu hồi đất*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST, ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ.G bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2016/QĐ-PT, ngày 29/12/2016, giữa các bên đương sự:

- *Người khởi kiện:*
 - + Ông Nguyễn Xuân Q. Có mặt.
 - + Bà Nguyễn Thị G. Có mặt.Cùng trú tại: Thôn Đ.X, thị trấn Đ.G, huyện Đ.G, tỉnh Kon Tum.
- *Người bị kiện: UBND huyện Đ.G, tỉnh Kon Tum*
Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện Đ.G.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông A. Ph. Văn bản ủy quyền số: 03/GUQ – UBND ngày 25/8/2016. Có mặt.
Chức vụ: Phó chủ tịch thường trực UBND huyện Đ.G.
Địa chỉ: Thôn Đ.X, thị trấn Đ.G, huyện Đ.G, tỉnh Kon Tum.
- *Người kháng cáo:*
 - + Ông Nguyễn Xuân Q.
 - + Bà Nguyễn Thị G.

NHẬN THẤY:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2015, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/8/2015 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày; các nguyên đơn trình bày bổ sung:*

Sau khi nhận được thông báo số 199/TN-UBND ngày 23/10/2014 của UBND huyện Đ.G tỉnh Kon Tum về việc buộc gia đình ông Nguyễn Xuân Q., bà Nguyễn Thị G. phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất giáp cầu treo, không nhất trí với thông báo này ngày 28/10/2014 gia đình ông Q, bà G có làm đơn khiếu nại UBND huyện Đ.G với hai nội dung yêu cầu chính như sau:

- Yêu cầu UBND huyện Đ.G hủy bỏ: Thông báo số 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 về việc buộc gia đình ông Q, bà G phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất giáp cầu treo.

Yêu cầu UBND huyện Đ.G, nếu lấy lại diện tích đất 130,5m² theo biên bản bàn giao đất ngoài thực địa ngày 28/6/2013 giữa gia đình ông Q. và bà G với chính quyền địa phương thì phải tiến hành làm các thủ tục lập hồ sơ đền bù cho gia đình để giải phóng mặt bằng theo quy định. Vì: theo ông Q và G thì gia đình ông bà sử dụng phần đất này có nguồn gốc rõ ràng (đất được cấp vào năm 1982), gia đình ông bà có công khai hoang, tu bổ đất để làm tăng giá trị đất như ngày hôm nay (năm 1982 gia đình khai hoang đất từ rừng le, sậy sử dụng đến năm 2002 thuê người đổ đất từ những phần đất thung lũng sâu có chỗ đến 30m để tạo mặt bằng). đơn xin cấp đất xét duyệt ngày 05/10/1981 diện tích trong đơn là 4.000m². Tính từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất năm 1982 cho đến thời điểm hiện nay trên 30 năm không có tranh chấp với các hộ dân khác, phần đất gia đình sử dụng 130,5m² có trước khi quy hoạch cầu treo (vì năm 1982 gia đình khai hoang, sử dụng đất khi đó chưa có cầu treo. Lúc đó giao thông qua trường nội trú chỉ là con đường mòn, đến năm 1988 mới làm cầu treo). Phần đất 130.5m² tuy không nằm trong bìa đỏ đất của gia đình năm 1994 nhưng nằm trong Quyết định cấp đất năm 1982 và chưa bao giờ bị thu hồi, chưa được đền bù, điều này thể hiện gia đình sử dụng phần đất này có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp và không phải là do lấn chiếm.

Ngày 30/3/2015, gia đình ông Q bà G có nhận được công văn số: 157/UBND-CV ngày 26/3/2015 của UBND huyện Đ.G về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân. Gia đình ông Q bà G không đồng ý với nội dung trong công văn, vì: UBND huyện Đ.G trả lời phần diện tích đất 130,5m² giáp cầu treo mà ông đang sử dụng là do lấn chiếm nên không được chấp nhận việc đền bù là không đúng. Bởi lẽ phần đất này gia đình sử dụng trước khi có quy hoạch cầu treo, có nguồn gốc sử dụng hợp pháp, nên đây là phần đất gia đình sử dụng ổn định.

Gia đình ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G phản đối nội dung công văn số 157/UBND-CV ngày 26/3/2015 của UBND huyện Đ.G. Yêu cầu Tòa án tuyên yêu cầu UBND huyện Đ.G hủy Thông báo số 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 về việc buộc gia đình ông Q, bà G phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất giáp cầu treo; hoặc UBND huyện Đ.G vẫn thu hồi phần diện tích này thì phải tiến hành các thủ tục lập hồ sơ, đền bù cho gia đình ông bà đối với phần diện tích đất 130,5m² giáp cầu treo và kiến trúc xây dựng là nền sân xi măng cát 85m², hai bụi măng bát độ đang thu hoạch, 02 cây muồng đã trồng từ năm 2000, tổng cộng số tiền phải đền bù là: 205.148.000 đồng.

- Người bị kiện: UBND huyện Đ.G. Người đại diện theo ủy quyền: ông A Phương trình bày và đề nghị:

Căn cứ Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 04/9/2013 của UBND huyện Đ.G về phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình: nút giao thông đường Hồ Chí Minh và cầu treo qua trường nội trú huyện Đ.G; hạng mục: nền, mặt đường và cảnh Q.

Năm 2014 căn cứ vào Quyết định nêu trên, UBND huyện chỉ đạo cho các đơn vị liên quan triển khai công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án; ngày 02/4/2014 Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của huyện đã phối hợp với Chủ đầu tư (Ban xây dựng cơ bản huyện), UBND xã Đắc Pét, Trưởng thôn 14B và 02 hộ gia đình bị ảnh hưởng tham gia. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã công khai phương án bồi thường công trình (Thông báo số: 04/TB-HĐBT ngày 10/4/2014 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) và Biên bản kết thúc công khai ngày 23/04/2014.

Ngày 12/6/2014, UBND huyện ban hành Quyết định số: 647/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: nút giao

thông đường Hồ Chí Minh và cầu treo qua trường Dân tộc nội trú huyện Đ.G; hạng mục: nền, mặt đường và cảnh quan (gồm 02 hộ gia đình) trong đó không có gia đình ông Nguyễn Xuân Q.

Ngày 28/10/2014 UBND huyện Đ.G có nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân Q với nội dung:

- Không đồng ý nội dung Thông báo số: 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 về việc buộc gia đình ông Q, bà G phải tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm.

- Đề nghị lập hồ sơ bồi thường phần diện tích 130,5m² đất giáp đường lên cầu treo do hộ ông Q, bà G đang sử dụng và bồi thường cho gia đình ông theo quy định.

Từ hai nội dung trên, UBND huyện Đ.G đã có Công văn số: 157/UBND-CV ngày 26/3/2015, về việc trả lời đơn khiếu nại của công dân và gửi đến gia đình ông Nguyễn Xuân Q. Việc UBND huyện ra Thông báo số: 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 và công văn số: 157/UBND-CV ngày 26/3/2015 là có các nội dung và căn cứ như sau:

Nội dung xác nhận vào đơn xin cấp đất làm nhà ở của ông bà Q, G vào ngày 05/10/1981 chỉ là để xem xét cấp đất, nghĩa là diện tích cấp đất không có quy định bắt buộc phải bằng diện tích đất xin trong đơn. Theo điểm c, Điều 5 Luật Đất đai năm 1987, hạn mức đất ở miền Trung, Tây Nguyên tối đa là 400m². Theo điểm d, khoản 3, Điều 23, Điều 54 Luật Đất đai năm 1993 về thẩm quyền cấp đất ở, diện tích cấp đất ở thì: đất ở, tối đa không quá 400m², đối với nơi có tập quán nhiều thế hệ ở trong một nhà thì tối đa đất ở là 800m² như vậy, nếu làm đúng theo quy định của pháp luật thì khi cấp đổi GCNQSDĐ cho ông bà năm 1994 diện tích đất ở tối đa chỉ là 400m². GCNQSDĐ số C434380 cấp ngày 10/9/1994 của UBND huyện Đăk Glei cấp đất ở (thổ cư) cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Q là vượt hạn mức tại địa phương nhiều lần. Như vậy UBND huyện cấp đất cho gia đình ông Q là sai luật nhưng gia đình ông được hưởng lợi rất nhiều; chứ không phải UBND huyện cấp đất cho gia đình ông Q là sai luật mà gây thiệt hại cho gia đình ông.

Thực hiện khoản 2 phần IV Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước; năm 1993 Chi cục quản lý đất đai tỉnh Kon Tum lập bản đồ rải thửa, đúng ra bản đồ này phải được đóng dấu giá trị tạm thời; nhưng đơn vị chức năng đã không đóng dấu; theo bản đồ này Quyết định cấp đất làm nhà năm

1982 của ông Q bà G đã được UBND huyện cấp đổi sang thành GCNQSDĐ năm 1994. Theo Thông tư số 346/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục địa chính; năm 2002, đơn vị Đoàn địa chất thủy văn-Địa chất công trình 701-Gia Lai đã đo vẽ bản đồ rải thửa, Phó giám đốc Sở địa chính tỉnh Kon Tum đã ký; đối chiếu với bản đồ năm 1993 và bản đồ rải thửa năm 2002 là trùng khớp nhau. Mục đích vẽ hai bản đồ trên là để xác định lại diện tích đất làm cơ sở điều chỉnh diện tích, mục đích sử dụng đất và làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất; trong hai bản đồ này đều có diện tích đất theo Quyết định cấp đất năm 1982 và GCNQSDĐ năm 1994 của ông bà Q G; đúng ra nếu thực hiện tốt nhiệm vụ theo Thông tư số 346/TT-TCĐC ngày 16-3- 1998 thì đất ở của ông bà Q G phải bị điều chỉnh: Nhiều nhất chỉ được cấp diện tích đất ở là 400m² chứ không phải diện tích là 2.450m² đất thổ cư như trong GCNQSDĐ. Do UBND huyện không điều chỉnh đất ở (thổ cư) của ông bà Q, G; vì vậy GCNQSDĐ của ông Q bà G là có giá trị pháp lý.

Về Quyết định giao đất số: 04/UB-QĐ ngày 10/02/1982 (bản gốc) của UBND huyện Đ. G tỉnh Gia Lai—Kon Tum cấp đất cho ông Q; ghi Trần Văn Q, có sửa chữa họ và tên lót thành Nguyễn Xuân Q với diện 1.000m² sửa lại là 1.500m² do UBND huyện cung cấp cho Tòa án. Cũng với Quyết định giao đất số 04/UB-QĐ ngày 10/02/1982 (bản gốc như nhau) của UBND huyện Đăk Glei tỉnh Gia Lai—Kon Tum cấp đất cho ông Q; ông Q cung cấp cho Tòa án ghi Trần Văn Q, có sửa chữa họ và tên lót thành Nguyễn Xuân Q; diện tích đất rõ ràng là sửa chữa thành 4.000m² , dấu xác nhận sửa chữa là của UBND huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum (trong khi năm 1991 mới tái thành lập tỉnh Kon Tum), và ông bà Q G không có hồ sơ xin đính chính sửa chữa Quyết định giao đất số 04/UB-QĐ ngày 10/02/1982 nói trên.

Theo GCNQSDĐ số sê ri: C434380, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 06 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Q ngày 10/9/1994 với diện tích là 2.450 m² đất thổ cư, có tứ cận thửa đất như sau: Phía Đông có cạnh dài là 111m; Phía Tây giáp đường QL14 cũ có cạnh dài là 102m; Phía Nam giáp đất ông Phạm Thanh Dương có cạnh dài 30,5m; Phía Bắc giáp đường đất rải đá học đi xuống ngầm qua suối Pô Kô có cạnh dài 28m. Cạnh phía Bắc lô đất của ông bà giáp đường xuống ngầm đi qua suối chứ không phải giáp

đường đi lên cầu treo. Như vậy, phần diện tích 130,5m² không nằm trong GCNQSDĐ được cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Q.

Căn cứ Biên bản xác minh ngoài thực địa ngày 27/10/2010 của cơ quan Phòng TN&MT huyện, phòng KT-HT huyện, trưởng thôn Đăk Xanh và gia đình ông Nguyễn Xuân Q.

Căn cứ Thông báo số: 31/TB-TNMT ngày 23/11/2010 của Phòng TN&MT huyện Đăk Glei về việc xây dựng trái phép trên đất chưa được giao quản lý.

Căn cứ Thông báo kết luận số: 139/TB-UBND ngày 12/9/2011 của Chủ tịch UBND huyện Đăk Glei.

Căn cứ biên bản xác minh ngoài thực địa ngày 24/10/2011 của UBND thị trấn, Phòng TN&MT, Phòng KT-HT, trưởng thôn Đăk Xanh và gia đình ông Nguyễn Xuân Q.

Căn cứ vào các Điều 17, 19 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Căn cứ vào các Điều 12 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Diện tích đất 130,5m² và tài sản trên diện tích đất này hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Q không được bồi thường, hỗ trợ vì diện tích đất này không nằm trong GCNQSDĐ ông bà được cấp; khi làm đường HCM vào năm 2000 đến năm 2003, tiền san ủi đất trên đôi phía tả ly dương của đường HCM ông bà mới cho đổ đất lấp đường xuống ngầm qua suối, sau đó mới sử dụng trái phép diện tích đất giáp đường lên cầu treo như hiện nay.

Mặt khác, GCNQSDĐ số sê ri: C434380, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 06 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Q ngày 10/9/1994 với diện tích là 2.450 m² đất thổ cư; tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/8/2016, qua kiểm tra, đo đạc, xác minh hiện trạng sử dụng đất thì hiện tại tổng diện tích hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Q sử dụng 4.924m² (bao gồm cả phần diện tích chuyển nhượng cho 08 hộ gia đình); chiều dài dọc đường Hùng Vương (HCM) theo hiện trạng sử dụng đất (bao gồm cả chuyển nhượng) là 116,9m so với theo GCNQSDĐ là 102m; tức là ông bà Q, G sử dụng ngoài GCNQSDĐ diện tích là 2.474m². Cạnh giáp đường HCM dài hơn đất được cấp là 14,9m (116,9m-102m).

Về việc, ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G yêu cầu UBND huyện Đăk Glei tiến hành làm các thủ tục lập hồ sơ, đền bù cho gia đình đối với phần diện tích đất 130,5m² giáp cầu treo và kiến trúc xây dựng là nền sân xi măng cát 85m², hai bụi măng bát độ đang thu hoạch, 2 cây muồng đã trồng từ năm 2000, tổng cộng số tiền phải đền bù là 205.148.000đ (*Hai trăm lẻ năm triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn*), UBND huyện Đăk Glei không chấp nhận. UBND huyện không ban hành Quyết định thu hồi đất mà chỉ ra thông báo yêu cầu tự tháo dỡ công trình, trả lại đất là vì UBND huyện không giao (cấp) diện tích đất 130,5m² giáp cầu treo cho gia đình ông Q nên không phải ra Quyết định thu hồi đất. Việc UBND huyện Đăk Glei ban hành Thông báo số: 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 và Công văn số: 157/UBND-CV ngày 26/3/2015 là đúng theo quy định của pháp luật nên giữ nguyên các văn bản trên.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Xử bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G; trú tại: Thôn Đăk Xanh, thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum về việc phản đối nội dung Công văn số: 157/UBND-CV ngày 26/3/2015 của UBND huyện Đăk Glei; đồng thời đề nghị không chấp nhận nội dung Yêu cầu tuyên hủy Thông báo số: 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum về việc buộc gia đình ông Q, bà G phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất giáp cầu treo; Buộc UBND huyện Đăk Glei tiến hành làm các thủ tục lập hồ sơ, đền bù cho gia đình đối với phần diện tích đất 130,5m² giáp cầu treo và kiến trúc xây dựng là nền sân xi măng cát 85m², hai bụi măng bát độ đang thu hoạch, 2 cây muồng đã trồng từ năm 2000, tổng cộng số tiền phải đền bù là 205.148.000đ (*Hai trăm lẻ năm triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn*).

2. Giữ nguyên Thông báo số: 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.G tỉnh Kon Tum về việc buộc gia đình ông Q, bà G phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất giáp cầu treo.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST, ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ.G đã quyết định:

Áp dụng khoản 1, Điều 30; khoản 1, Điều 31 luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Xử: bác đơn khởi kiện: Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của những người khởi kiện ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G đề ngày 09/4/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/8/2015.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

* Ngày 09/10/2016, người khởi kiện – ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ án sơ thẩm, vì cho rằng: gia đình ông bà đã sử dụng hợp pháp, ổn định hơn 34 năm không có tranh chấp, đã khai hoang, cải tạo, san lấp làm tăng giá trị của đất, tài sản trên đất là tài sản hợp pháp của ông bà. UBND huyện Đ.G thu hồi mà không đền bù là sai với quy định của pháp luật. Ngoài ra, tòa án sơ thẩm yêu cầu ông bà chịu án phí dân sự, và khi tính án phí thì không trừ phần tạm ứng án phí mà ông bà đã đóng là sai quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo bổ sung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến cho rằng:

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng; việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

- + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: TAND huyện Đ.G giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật theo Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- + Về nội dung vụ án: Theo yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G trong vụ án này theo quy định tại Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì ông Q và bà G phải được đền bù đất, công trình và cây trồng trên đất bị thu hồi nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện là không đúng pháp luật.

+ Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, người khởi kiện có yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 205.148.000 đồng. cấp sơ thẩm chưa xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá công trình và cây trồng trên diện tích đất bị thu hồi mà đưa vụ án ra xét xử, không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của người khởi kiện và buộc ông Q bà G phải chịu 10.257.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hành chính này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 241 LTTHC năm 2015, hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST, ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ.G. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ.G giải quyết lại vụ án.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo; các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, hủy Thông báo số 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 về việc buộc gia đình ông Q, bà G phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất giáp cầu treo. Tòa án nhân dân huyện Đ.G thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, cấp sơ thẩm có thiếu sót khi thu thập chứng cứ, cụ thể: bên cạnh yêu cầu hủy Thông báo số 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 về việc buộc gia đình ông Q, bà G phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất giáp cầu treo, ông Q và bà G còn có yêu cầu buộc UBND huyện Đ.G tiến hành làm các thủ tục lập hồ sơ, đền bù cho gia đình đối với: phần diện tích đất 130,5m² giáp cầu treo và kiến trúc xây dựng là nền sân xi măng cát 85m², hai bụi măng bát độ đang thu hoạch, 02 cây muồng đã trồng từ năm 2000, tổng cộng số tiền phải đền bù là **205.148.000 đồng** (Hai trăm lẻ năm triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại không tiến hành định giá tài sản các tài sản này, không tiến hành thu thập giá đất tại thời điểm thu hồi đất do UBND tỉnh Kon Tum ban hành để làm căn cứ khi xem xét các yêu cầu đền bù của người khởi kiện. Thiếu sót này của cấp sơ thẩm là không đúng theo quy định tại Điều 7 Luật tổ tụng hành chính, hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng hành chính và khoản 2, Điều 4 Luật Trách nhiệm Bồi thường của Nhà nước, dẫn đến việc ảnh hưởng đến việc thiếu căn cứ để giải quyết toàn bộ vụ án trong trường hợp Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Bên cạnh đó, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/8/2016 của TAND huyện Đ.G chưa thể hiện được các nội dung: diện tích đất theo 157/UBND-CV ngày 26/3/2015 của UBND huyện Đăk Glei và Thông báo số: 199/TB-UBND ngày 23/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum, được đo đạc trên thực tế là bao nhiêu? Vị trí của phần diện tích này nằm ở đâu, trong phần diện tích 2.450 m² ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G đã được cấp GCNQSDĐ số C434380, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 06, hay nằm trong phần diện tích chênh lệch là 2.474m², tứ cận của phần diện tích này là như thế nào, các loại tài sản, công trình trên đất? những thiếu sót này của cấp sơ thẩm dẫn đến việc không thể xác định sự thật của vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. do vậy, cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại cho đúng.

- *Án phí hành chính phúc thẩm:* Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G, đơn đề ngày 09/10/2016.

Xử: Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST, ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ.G. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ.G giải quyết lại vụ án.

Về án phí: Căn cứ Điều 27 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án;

- Ông Nguyễn Xuân Q và bà Nguyễn Thị G không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nên được hoàn trả số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu tiền số AA/2010/ 0006745 ngày 14/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.G.

*** Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (16/02/2017).**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND t. KonTum;
- TAND h. Đ.G;
- CC THADS h. Đ.G;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyên

